

Kiến thức, Thái độ, Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ và một số yếu tố liên quan tại Khoa Sản - Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu

KNOWLEDGE, ATTITUDE, PRACTICE ON BREAST FEEDING OF POSTPARTUM MOTHERS AND RELATED FACTORS AT THE OBSTETRICS DEPARTMENT - THANH VU MEDIC BAC LIEU HOSPITAL

HUYNH NGỌC THẢO¹, HUỖNH THỊ HUỆ XUÂN²,
NGUYỄN THỊ THANH THỦY³, TRẦN THỊ NGỌC THẨM⁴

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ sau sinh tại khoa Sản - Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) Thanh Vũ Medic Bạc Liêu và xác định liên quan giữa kiến thức với thực hành nuôi con bằng sữa mẹ.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang với 310 sản phụ. Phỏng vấn bằng bộ câu hỏi có cấu trúc soạn sẵn, đồng thời dùng bảng kiểm quan sát thực hành.

Kết quả: Các sản phụ có kiến thức đúng nuôi con bằng sữa mẹ là 71,3%, thái độ đúng là 74,2%, thực hành đúng là 66,8%. Có liên quan giữa kiến thức với thực hành nuôi con bằng sữa mẹ (OR = 4,36, KTC 95% = 2,50 - 7,61, $p < 0,001$). Trong đó, các kiến thức có liên quan với thực hành nuôi con bằng sữa mẹ bao gồm kiến thức về: thời gian bú mẹ hoàn toàn, thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh, thời gian cho bú sữa mẹ, phương pháp nuôi con tốt nhất, lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ ($p < 0,05$).

Kết luận: Nhân viên tư vấn cần tập trung cung cấp những kiến thức còn thấp, giúp các bà mẹ có

thái độ tích cực hơn và dành nhiều thời gian hơn cho các bà mẹ thực hành. Cần tăng cường tư vấn cho các bà mẹ khi đến khám thai, chờ sinh, sau sinh và khi xuất viện bằng nhiều hình thức: góc tư vấn, phát tờ rơi, phát video trên tivi tại các phòng bệnh, phòng khám thai, sảnh chờ.

Từ khóa: nuôi con bằng sữa mẹ, sản phụ sau sinh.

ABSTRACT

Objective: Describe the knowledge, attitude and practice of breastfeeding mothers after giving birth at the Obstetrics Department of Thanh Vu Medic Bac Lieu Hospital and identify the relationship between knowledge and breastfeeding practice.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 310 mothers. Interview with a questionnaires and practice observation checklists.

Results: The rate of mothers who had correct knowledge of breastfeeding was 71.3%, correct attitude was 74.2%, correct practice was 66.8%. There was relationship between knowledge and breastfeeding practice (OR = 4.36, 95% CI = 2.50 - 7.61, $p < 0.001$). In particular, the knowledges related to breastfeeding practice includes: the duration of exclusive breastfeeding, the moment of breastfeeding after birth, the duration of breastfeeding, the best breastfeeding method, the benefits of breastfeeding ($p < 0.05$).

Conclusion: Medical staff need to focus on providing low correct knowledge, helping mothers have more positive attitude and spend more time practicing. It is necessary to strengthen counseling for mothers during antenatal care,

1. ThS. Trưởng Khoa KSNK, BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu
ĐT: 0919555454; email: huynhngocthaoxn@gmail.com

2. CNDD., Điều dưỡng trưởng khoa Sản, BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu

3. BSCKI., Phó Giám đốc - Trưởng khoa Sản, BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu

4. CNHS., Trưởng đơn nguyên sơ sinh khoa Sản, BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu

Ngày nhận bài phân biên: 06/5/2022

Ngày trả bài phân biên: 09/5/2022

Ngày chấp thuận đăng bài: 26/5/2022

waiting for delivery, postpartum and discharge from hospital by various forms: reading corners, distributing leaflets, broadcasting videos on TV in the hospital rooms, antenatal clinics, and lobby.

Keywords: *breastfeeding, pregnant women after giving birth, postpartum mothers.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nuôi con bằng sữa mẹ sẽ đảm bảo cho trẻ phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, đồng thời hạn chế được những bệnh nguy hiểm như suy dinh dưỡng, các bệnh về đường tiêu hóa và hô hấp cho trẻ. WHO khuyến cáo cho tất cả các bà mẹ cần cho con bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau đẻ, bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho ăn bổ sung hợp lý khi trẻ được tròn 6 tháng và tiếp tục bú mẹ cho đến 24 tháng hoặc lâu hơn [7]. Tại Việt Nam, mỗi năm có khoảng hơn một triệu trẻ em chết vì tiêu chảy, nhiễm khuẩn hô hấp và các nhiễm khuẩn khác vì trẻ không được bú mẹ đầy đủ [1]. Nuôi con bằng sữa mẹ là một chức năng tự nhiên của người mẹ. Vì lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ, người mẹ cần được sự ủng hộ, giúp đỡ và tạo điều kiện từ gia đình, xã hội và nơi làm việc của người mẹ.

Khoa Sản là một trong những khoa thể mạnh của BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu, mỗi năm khoa Sản thực hiện hàng ngàn ca sinh bao gồm sinh thường và sinh mổ. Bệnh viện đã triển khai chương trình giáo dục nuôi con bằng sữa mẹ cho sản phụ sau sinh tại khoa Sản. Tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu nào về kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ. Nhằm xác định phương pháp tiếp cận thích hợp, kịp thời và nâng cao hiệu quả trong việc giáo dục, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ cho các sản phụ, chúng tôi tiến hành đề tài: "Kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ và một số yếu tố liên quan tại khoa Sản - Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu" với 2 mục tiêu: (1) *Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ sau sinh* (2) *Xác định liên quan giữa kiến thức với thực hành nuôi con bằng sữa mẹ.*

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sản phụ sinh tại khoa Sản - BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu từ tháng 01/4/2020 đến ngày 31/7/2020.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn vào: Tất cả các sản phụ sau sinh trên 18 tuổi có bé nằm cùng mẹ tại khoa Sản.

2.2.2. Tiêu chuẩn loại trừ: Sản phụ không có khả năng trả lời câu hỏi, không đồng ý tham gia nghiên cứu, chống chỉ định về nuôi con bằng sữa mẹ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cơ mẫu nghiên cứu

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{1-\alpha/2 d^2}$$

Với $Z(0,975) = 1,96$ (ước lượng khoảng tin cậy với $\alpha = 0,05$)

$p = 0,75$ (Tỷ lệ kiến thức, thực hành cho trẻ bú mẹ sau sinh của các bà mẹ sinh ngã âm đạo tại Bệnh viện Hùng Vương năm 2017 [5]).

$d = 0,05$ (độ chính xác mong muốn)

Tính được cỡ mẫu tối thiểu $n = 289$. Thực tế cỡ mẫu: 310 sản phụ.

2.2.3. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện không xác suất.

2.2.4. Phương tiện và phương pháp thu thập số liệu

Bộ câu hỏi có cấu trúc soạn sẵn được tham khảo từ các nghiên cứu trước và có chỉnh sửa phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Cấu trúc gồm 4 phần: Phần 1 (6 câu) thông tin chung của sản phụ. Phần 2 (10 câu) đánh giá kiến thức đúng khi trả lời đúng ít nhất 8 câu. Phần 3 (9 câu, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ: 1. Rất đồng ý, 2. Đồng ý, 3. Không ý kiến, 4. Không đồng ý, 5. Rất không đồng ý) đánh giá thái độ đúng khi có ít nhất 7 câu chọn mức độ 1 hoặc 2. Phần 4 (6 nội dung) thực hành chung đúng khi quan sát thực hành đúng ít nhất 80%, tương đương 5 nội dung. Bộ câu hỏi được thử nghiệm trên 30 sản phụ, có điều chỉnh một số từ ngữ phù hợp với ngôn ngữ địa phương

(dùng từ “ăm” thay cho từ “bé”, từ “du” thay cho từ “thừa”). Bộ câu hỏi đảm bảo tính tin cậy với hệ số Alpha Cronbach’s cho phần kiến thức là 0,71; thái độ là 0,79; thực hành là 0,76.

Phương pháp thu thập số liệu: Những nữ hộ sinh đã được tập huấn về chương trình nuôi con bằng sữa mẹ dựa theo danh sách sản phụ thỏa tiêu chí chọn mẫu quan sát trực tiếp thực hành cho con bú mẹ của sản phụ. Sau đó, tiến hành phỏng vấn mặt đối mặt ghi nhận vào phiếu khảo sát, kết hợp truyền thông giáo dục nuôi con bằng sữa mẹ cho sản phụ và người nhà.

2.2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Nhập dữ liệu bằng phần mềm Epida 3.1. Xử lý bằng phần mềm Stata 13.0

Thống kê mô tả tần suất, tỷ lệ phần trăm. Thống kê phân tích mối liên quan bằng phép kiểm Chi bình phương với mức ý nghĩa 5%, tỷ số chênh OR, khoảng tin cậy 95% (trong trường hợp không thỏa vọng trị thì dùng phép kiểm Fisher thay thế).

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Đặc điểm thông tin chung của sản phụ (n=310)

Đặc điểm		Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	19 - 30 tuổi	196	63,2
	31 - 50 tuổi	114	26,8
Dân tộc	Kinh	172	55,5
	Hoa	88	28,4
	Khmer	49	15,8
	Tây	1	0,3
Nơi cư ngụ	Thành thị	106	34,2
	Nông thôn	204	65,8
Nghề nghiệp	Làm ruộng	18	5,9
	Buôn bán	67	21,6
	Giáo viên	49	15,8
	Công nhân	37	11,9
	Cán bộ, công chức	54	17,4
	Nội trợ	85	27,4

Đặc điểm		Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn	Không biết chữ	2	0,7
	Cấp I	9	2,9
	Cấp II	137	44,2
	Cấp III	67	21,6
	Trên cấp III	95	30,6
Số lần sinh con	Lần đầu	202	65,2
	Lần thứ hai	90	29,0
	Lần thứ ba	12	3,9
	Trên 3 lần	6	1,9

Phần lớn các sản phụ có nhóm tuổi từ 19-30 (63,2%), dân tộc Kinh chiếm 55,5% và đa số cư ngụ ở nông thôn là 65,8%, sản phụ phần nhiều là nội trợ (27,4%), trình độ học vấn chiếm tỷ lệ cao nhất nhất là cấp II (44,2%), phần đông các sản phụ sinh con lần đầu (65,2%).

3.2. Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành nuôi con bằng sữa mẹ

Bảng 3.2. Kiến thức đúng nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ (n=310)

Kiến thức	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Từng nghe nói về bú mẹ hoàn toàn	306	98,7
Thời gian bú mẹ hoàn toàn	216	69,7
Cho trẻ bú sữa non	276	89
Vắt bỏ sữa non	224	72,3
Thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh	269	86,8
Thời gian cho bú sữa mẹ	220	71
Phương pháp nuôi con tốt nhất	265	85,5
Lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ	228	73,5
Thời gian cai sữa cho trẻ	190	61,3
Kiến thức chung	221	71,3

Những sản phụ có tỷ lệ kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ chiếm 71,3% cao gấp 2,48 lần so với những sản phụ có kiến thức chưa đúng. Trong đó, các sản phụ từng nghe nói bú mẹ hoàn toàn chiếm tỷ lệ cao nhất 98,7%, kiến thức đúng về thời gian cai sữa cho trẻ chiếm tỷ lệ thấp nhất với 61,3%.

Bảng 3.3. Thái độ đúng nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ (n=310)

Thái độ	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Nuôi con bằng sữa mẹ giúp bảo vệ trẻ không bị bệnh tật/ tránh được viêm nhiễm	304	98,1
Nuôi con bằng sữa mẹ tạo được sự gắn kết giữa mẹ và con mà bú bình không thể có được	303	97,7
Trẻ được nuôi bằng sữa mẹ khỏe mạnh hơn những trẻ không được nuôi bằng sữa mẹ	294	94,8
Sữa mẹ chứa đầy đủ các chất dinh dưỡng giúp cho trẻ phát triển toàn diện	298	96,1
Nuôi con bằng sữa mẹ ít tốn chi phí hơn so với sữa bột	299	96,5
Nuôi con bằng sữa mẹ dễ hơn là nuôi con bằng sữa bột	293	94,5
Cho con bú sữa mẹ thì mẹ sẽ gặp khó khăn trong việc chăm sóc gia đình	175	56,5
Nuôi con bằng sữa mẹ làm mất tự do của mẹ	203	65,5
Nuôi con bằng sữa mẹ làm mất thời gian của mẹ	179	57,7
Thái độ chung	230	74,2

Các sản phụ có thái độ chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ chiếm 74,2% cao gấp 2,88 lần so với những sản phụ có thái độ chưa đúng. Trong đó, sản phụ có thái độ đúng cao nhất là nuôi con bằng sữa mẹ giúp bảo vệ trẻ không bị bệnh tật/tránh được viêm nhiễm (98,1%). Thái độ đúng thấp nhất là cho rằng việc cho con bú sữa mẹ thì mẹ sẽ gặp khó khăn trong việc chăm sóc gia đình (56,5%).

Bảng 3.4. Thực hành đúng nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ (n=310)

Thực hành	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Cho trẻ bú mẹ	281	90,7
Thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh	262	84,5
Nặn bỏ giọt sữa đầu trước khi cho trẻ bú mẹ	255	82,3
Vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần cho bú	94	30,3
Cách bế trẻ bú của bà mẹ	223	71,9
Thực hành chung	208	66,8

Những sản phụ có thực hành chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ chiếm 66,8% cao gấp 2,01 lần những sản phụ có thực hành chưa đúng.

Trong đó, tỷ lệ thực hành cho trẻ bú mẹ đúng là cao nhất chiếm 90,7% và thấp nhất là thực hành đúng về vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần bú (30,3%).

3.3. Liên quan giữa kiến thức với thực hành nuôi con bằng sữa mẹ

Bảng 3.5. Mối liên quan giữa kiến thức với thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ (n=310)

Kiến thức	Thực hành chung		OR	KTC 95%	P
	Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)			
Từng nghe nói về bú mẹ hoàn toàn					
Đúng	205 (67)	101 (33)	1,34	0,14-28,30	0,602
Chưa đúng	2 (50)	2 (50)			
Thời gian bú mẹ hoàn toàn					
Đúng	153 (70,8)	63 (29,2)	1,79	1,05-3,06	0,021
Chưa đúng	54 (57,5)	40 (42,5)			
Cho trẻ bú sữa non					
Đúng	185 (67)	91 (33)	1,11	0,47-2,46	0,786
Chưa đúng	22 (64,7)	12 (35,3)			
Vắt bỏ sữa non					
Đúng	154 (68,7)	70 (31,3)	1,37	0,79-2,37	0,233
Chưa đúng	53 (61,6)	33 (38,4)			
Thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh					
Đúng	192 (71,4)	77 (28,6)	4,32	2,06-9,24	< 0,001
Chưa đúng	15 (36,6)	26 (63,4)			
Thời gian cho bú sữa mẹ					
Đúng	158 (71,8)	62 (28,2)	2,13	1,23-3,65	0,003
Chưa đúng	49 (54,4)	41 (45,6)			
Phương pháp nuôi con tốt nhất					
Đúng	192 (72,5)	73 (27,5)	5,26	2,55-11,10	< 0,001
Chưa đúng	15 (33,3)	30 (66,7)			
Lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ					
Đúng	169 (74,1)	59 (25,9)	3,32	1,89-5,80	< 0,001
Chưa đúng	38 (46,3)	44 (53,7)			
Thời gian cai sữa cho trẻ					

Kiến thức	Thực hành chung		OR	KTC 95%	p
	Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)			
Đúng	133 (70)	57 (30)	1,45	0,87-2,41	0,129
Chưa đúng	74 (61,7)	46 (38,3)			
Kiến thức chung					
Đúng	169 (76,5)	52 (23,5)	4,36	2,50-7,61	< 0,001
Chưa đúng	38 (42,7)	51 (57,3)			

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về: Thời gian bú mẹ hoàn toàn, thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh, thời gian cho bú sữa mẹ, phương pháp nuôi con tốt nhất, lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ, kiến thức chung với thực hành chung đúng ($p < 0,05$).

So với những sản phụ có kiến thức chưa đúng thì: Những sản phụ có kiến thức đúng về thời gian bú mẹ hoàn toàn có thực hành chung đúng cao gấp 1,79 lần; sản phụ có kiến thức đúng về thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh có thực hành chung đúng cao gấp 4,32 lần; sản phụ có kiến thức đúng về thời gian cho bú sữa mẹ có thực hành chung đúng cao gấp 2,13 lần; sản phụ có kiến thức đúng về phương pháp nuôi con tốt nhất có thực hành chung đúng cao gấp 5,26 lần; sản phụ có kiến thức đúng về lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ có thực hành chung đúng cao gấp 3,32 lần. Những sản phụ có kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ có thực hành chung đúng cao gấp 4,36 lần những sản phụ có kiến thức chung chưa đúng.

4. BÀN LUẬN

Những sản phụ sau sinh có tỷ lệ kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ chiếm 71,3%, kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu tại BV Hùng Vương năm 2017 là 76,15% [5]. Trong đó, tỷ lệ kiến thức đúng thời gian cai sữa cho trẻ chỉ chiếm 61,3%, thấp hơn so với nghiên cứu tại BV trường Đại học Y dược Huế (80%) [3]. Kiến thức đúng về thời gian bú mẹ hoàn toàn chiếm 69,7% thấp hơn so với 91,1% theo nghiên cứu tại BVĐK Định Quán [4]. Điều này có thể là do các sản phụ trong nghiên cứu đa số sinh sống ở nông thôn, công việc chủ yếu là nội trợ và trình độ học vấn cao nhất cũng chỉ là cấp II. Do đó, kiến thức về bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

và kéo dài đến 24 tháng cần được tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức khác nhau và đến được với nhiều đối tượng sản phụ, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Những sản phụ có thái độ chung đúng: 74,2% cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Ngô Thị Thanh Thảo (38,74%) [5]. Tuy nhiên, cần chú ý những thái độ đúng có tỷ lệ thấp như: cho rằng việc cho con bú sữa mẹ thì mẹ sẽ gặp khó khăn trong việc chăm sóc gia đình (56,5%), làm mất thời gian của mẹ (57,7%), làm mất tự do của mẹ (65,5%). Mặc dù tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Phan Thị Tâm Khuê [3] nhưng chúng ta cũng cần quan tâm bởi vì nếu không có thái độ đúng thì mọi hành động đều không xuất phát từ tâm mà bị cho đẩy là bắt buộc, đó là trách nhiệm phải làm và làm một cách miễn cưỡng hoặc làm qua loa. Khi người mẹ cho rằng mất thời gian và làm mất tự do thì tâm lý người mẹ lúc nào cũng bức dọc, căng thẳng, tinh thần không thoải mái ảnh hưởng đến việc chăm sóc con, cho đó là gánh nặng phải mang, điều này dễ dẫn đến trầm cảm sau sinh gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó, đòi hỏi cần có những buổi tuyên truyền giáo dục sức khỏe trong thời gian mang thai để người mẹ chuẩn bị tâm lý, có thái độ sẵn sàng đón nhận từ từ.

Những sản phụ có thực hành chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ chiếm 66,8% cao hơn nghiên cứu của BV Hùng Vương (51,1%) [5], tuy nhiên thấp hơn so với nghiên cứu năm 2019 tại BV Nhi Đồng thành phố Cần Thơ (69,9%) [2]. Trong đó, tỷ lệ thực hành cho trẻ bú mẹ đúng cách là cao nhất (90,7%) nhưng thực hành đúng về vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần bú chỉ có 30,3%, thấp hơn so với 50% bà mẹ thực hành đúng về vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần bú theo nghiên cứu tại BV trường Đại học Y dược Huế [3] và thấp hơn 47,92% bà mẹ thực hành đúng về vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần bú theo nghiên cứu tại BVĐK Định Quán [4]. Theo tâm lý chung, bà mẹ sợ vắt cạn sẽ hết sữa, lo lắng không đủ sữa cho đợt bú sau mà không biết rằng, thực hành đó sẽ kích thích tuyến sữa tái tạo nguồn sữa mới. Nguồn sữa sẽ được bồi đắp ngay sau khi bầu vú được vắt cạn sữa thừa.

Rất nhiều kiến thức đã tìm thấy có mối liên quan: thời gian bú mẹ hoàn toàn, thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh, thời gian cho bú sữa mẹ, phương pháp nuôi con tốt nhất, lợi ích nuôi con

bằng sữa mẹ. Một khi các sản phụ hiểu và nhớ được các kiến thức đúng đó thì chắc chắn rằng sẽ nâng cao thực hành đúng. Lập luận này càng được củng cố khi nghiên cứu đã xác định những sản phụ có kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ có thực hành chung đúng cao gấp 4,36 lần những sản phụ có kiến thức chung chưa đúng. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu tại BV Nhi Đồng thành phố Cần Thơ năm 2019: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ và thực hành (OR = 14,316, p < 0,001) [2]. Thông thường, kiến thức đúng sẽ dẫn đến hành vi đúng, kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ đối với sản phụ không bao giờ là thừa, bởi vì mối quan tâm của mẹ lúc này đều dành hết cho con, kiến thức đúng của họ càng nhiều thì họ sẽ có nhiều hơn những thực hành đúng.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tỷ lệ kiến thức đúng nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ là 71,3%, thái độ đúng: 74,2%, thực hành đúng: 66,8%. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về: thời gian bú mẹ hoàn toàn, thời điểm cho trẻ bú sữa mẹ sau sinh, thời gian cho bú sữa mẹ, phương pháp nuôi con tốt nhất, lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ, kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ với thực hành chung đúng.

Trong các buổi tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, nhân viên y tế cần cung cấp các kiến thức đúng còn thấp như thời gian cai sữa cho trẻ. Đồng thời giúp các bà mẹ có thái độ tích cực hơn, giảm thái độ chưa đúng như cho rằng gặp khó khăn trong việc chăm sóc gia đình, bị mất thời gian, mất tự do bằng cách nhấn mạnh đến tình mẫu tử, thiên chức làm mẹ, việc cho con bú sữa mẹ là sợi dây thiêng liêng gắn liền tình cảm mẹ con, mỗi giọt sữa như là một giọt máu giúp phát triển hình hài và trí não con trẻ. Do thực hành đúng nuôi con bằng sữa mẹ còn thấp nên cần đẩy mạnh hơn nữa mục tiêu hướng dẫn và dành thời gian cho các bà mẹ thực hành, đặc biệt kỹ năng vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần cho bú và cách bế trẻ.

Bệnh viện cần tăng cường tư vấn giáo dục nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách cho các bà mẹ khi đến khám thai, khi nhập viện chờ sinh, sau sinh và khi xuất viện. Ngoài ra, cần tăng cường thêm hình thức truyền thông: góc tư vấn, phát tờ rơi, phát video trên tivi tại các phòng bệnh khoa

Sản và khoa Nhi, phòng khám thai, sảnh chờ vào khung giờ phù hợp trong ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2016), Quy định một số biện pháp nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016.

2. Phan Thị Kiều Hạnh, cộng sự (2019), Kiến thức, thái độ, thực hành đúng về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 06 tháng tuổi ở Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ năm 2019.

3. Phan Thị Tâm Khuê (2009), Kiến thức, thái độ, thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại khoa Sản - Bệnh viện trường Đại học Y dược Huế, Tiểu luận tốt nghiệp CNPS, trường Đại học Y dược Huế.

4. Phạm Thị Thành, Phạm Thị Hằng Nga (2014), Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi về nuôi con bằng sữa mẹ sau sinh tại khoa Sản - BVĐK Định Quán năm 2014.

5. Ngô Thị Thanh Thảo (2017), Tỷ lệ kiến thức, thực hành cho trẻ bú mẹ sau sinh của các bà mẹ sinh ngã âm đạo tại Bệnh viện Hùng Vương năm 2017, Nghiên cứu khoa học Bệnh viện Hùng vương năm 2018, tr. 47-48.

6. Hong Jiang, et al. (2012), Awareness, Intention, and Needs Regarding Breastfeeding: Findings from First-Time Mothers in Shanghai, China, Breastfeeding Medical, 7(6), pp. 526-534.

7. World Health Organization (2017), Second biennial meeting of the independent review group on validation of early essential newborn care progres.